TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/DS-ST
Ngày 07-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Trí;

bà Trần Thị Kim Thoa.

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1123/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thanh H, sinh năm 1960; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* bà Phạm Thị B, sinh năm 1933; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê Thanh H1, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Ông Lê Minh Â, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Lê Thanh Th, sinh năm 1969; nơi cư trú: tổ 17, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Lê Thị Bích H2, sinh năm 1978; nơi cư trú: số 640, tổ 19, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Minh U, sinh ngày 01/01/1975; nơi cư trú: tổ 16, khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Ông Lê Minh D E, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Ông Lê Minh D, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thanh H trình bày: năm 2000, cha mẹ của bà H là ông Lê Văn T, bà Phạm Thị B có mượn của bà H 05 lượng vàng 24k để chuộc lại đất cố cho ông Cần, có làm tờ đơn xin xác nhận có thiếu nợ (vàng). Ông T đã chết năm 2022, có 08 người con gồm: bà H, bà Lê Thanh H1, ông Lê Minh Â, bà Lê Thanh Th, bà Lê Thị Bích H2, ông Lê Minh U, ông Lê Minh D E và ông Lê Minh D. Vì vậy, bà H yêu cầu bà B trả lại cho bà H 05 lượng vàng 24k.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị B trình bày: bà B và chồng là Ông T có mượn vàng của bà H nhưng lâu quá không nhớ thời gian mượn cũng như không nhớ mượn bao nhiêu lượng vàng. Đến nay, bà B, Ông T chưa trả lại cho bà H số vàng đã mượn.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thanh H1 trình bày: vào năm 2000, cha của bà H1 là Ông T cố đất cho ông C. Sau đó bà H mới bán đất của bà H lấy 05 lượng vàng để giúp Ông T chuộc lại đất cố. Bà H1 trực tiếp chứng kiến việc Ông T, bà B nhận vàng từ bà H giao cho ông Cần ngay tại nhà của Ông T, bà B.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh U trình bày: bà H tự viết ra tờ giấy thiếu nợ vàng rồi thưa kiện, chứ mẹ của ông U là bà B không có mượn vàng gì hết. Nếu như bà B mượn vàng thì đã cho con cái biết và không thấy bà B nói. Vì vậy, ông U khẳng định bà B không có mượn vàng của bà H.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh D E trình bày: thật sự là cha mẹ của ông D E không có mượn vàng của bà H. Đất đai của cha mẹ đã sang tên cho ông D E nên cha mẹ không còn tài sản gì khác.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích H2 trình bày: khi Ông T còn sống, bà H thưa kiện nhiều lần đối với Ông T về đất đai, thấy thưa đất không được nên quay qua thưa kiện đòi vàng tại Ban nhân dân ấp và Ủy ban nhân dân xã. Lúc đó, cha thừa nhận không nợ vàng của bà H, không có dính líu vàng bạc gì hết. Trước khi cha chết, cha có trăng trối là cha không có nợ vàng bạc gì của bà H.

Ý kiến của bà H tại phiên tòa: bà H giữ nguyên khởi kiện, yêu cầu bà B trả lại 05 lượng vàng 24k đã cho mượn vào năm 2000.

Ý kiến của bà H1 tại phiên tòa: bà H1 xác định có trực tiếp chứng kiến việc bà H giao 05 lượng vàng cho bà B, Ông T mượn để chuộc đất đã cố trước đây.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Ông T, bà B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà H là vi phạm thỏa thuận. Do Ông T đã chết, bà H chỉ khởi kiện bà B về yêu cầu bà B trả số vàng 05 lượng 24k là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận khởi kiện của bà H, buộc bà B có nghĩa vụ trả lại cho bà H 05 lượng vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Bà H có đơn khởi kiện đối với bà B về yêu cầu trả lại số vàng vay. Bà B có địa chỉ cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bà H, bà H1 đều có mặt; bà Hạnh, ông U, ông D E đều có yêu cầu xét xử vắng mặt; bà B, ông Â, ông D, bà Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Bà cho rằng, Ông T, bà B vay 05 lượng vàng 24k nên bà H yêu cầu bà B trả lại 05 lượng vàng 24k. Trong khi đó, bà B có lời khai xác định *"bà B cùng với Ông T có mượn vàng của bà H nhưng không nhớ rõ thời gian, số vàng đã mượn và đến nay chưa trả lại vàng"*. Đồng thời, bà H1 xác định *"Ông T, bà B có mượn 05 lượng vàng 24k của bà H để Ông T, bà B chuộc lại đất"*. Ngoài ra, các ông, bà Lê Minh U, Lê Minh D E và bà Lê Thị Bích H2 có lời khai xác định *"bà B, Ông T không có mượn vàng của bà H"*.

[3] Theo lời khai của của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ do bà H giao nộp và do Tòa án thu thập thì thấy, bà B thừa nhận Ông T, bà B có vay vàng của bà H. Lời khai của bà B phù hợp với lời khai của bà H1 và đơn xin xác nhận có thiếu nợ (vàng) có điểm chỉ của Ông T, bà B thể hiện nội dung: *"...vợ chồng tôi có đem 04 công đất này cố cho ông Út C ở Đồng Tháp... do không có tiền chuộc lại đất nên vào năm 2000, tôi có mượn của con gái tôi tên Lê Thanh H 05 lượng vàng 24k để chuộc đất và vợ chồng tôi sử dụng..."*.

[4] Qua đó, Tòa án xác định giữa bà H và Ông T, bà B có xác lập hợp đồng vay vàng là có thật, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Thực hiện hợp đồng, bà H đã giao cho Ông T, bà B nhận 05 lượng vàng 24k. Tuy nhiên, Ông T, bà B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lại số vàng vay, bà H yêu cầu bà B có trách nhiệm trả lại số vàng vay còn nợ theo thừa nhận của bà H, bà H1 và đơn xin xác nhận có thiếu nợ (vàng) là có căn cứ. Mặt khác, Tòa án không chấp nhận lời khai phản bác của ông D E, ông U và bà H2 do không chứng minh được tình tiết Ông T, bà B không có vay vàng. Theo quy định Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Tòa án chấp nhận khởi kiện của bà H về yêu cầu bà B có trách nhiệm trả lại cho bà H 05 lượng vàng 24k.

[5] Về án phí sơ thẩm: Tòa án chấp nhận khởi kiện của bà H nên bà B phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu có giá ngạch do bà B là người cao tuổi, không có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thanh H đối với bị đơn bà Phạm Thị B về yêu cầu trả lại số vàng vay;

Buộc bà Phạm Thị B phải có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thanh H 05 lượng vàng 24k;

2. Về án phí sơ thẩm: bà H được miễn tạm ứng án phí do người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn tạm ứng án phí, án phí.

Bà B phải chịu án phí 26.080.000 đồng.

3. Bà H, bà H1 có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Bà B, ông Ân, bà Thì, bà H2, ông U, ông D và ông D E vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tâm Nhân